

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-ST
Ngày: 13-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;
2. Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp C, xã T2, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/5/2018, bản tự khai ngày 08/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày: Vào ngày 18/9/2016, bà T1 có mượn của bà T số tiền là 20.000.000 đồng, chiều cùng ngày bà T1 mượn tiếp số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Bà T1 hẹn 01 tháng sau tức là đến ngày 18/10/2016 thì sẽ trả đủ tiền cho bà T. Việc vay mượn tiền thì hai bên có làm giấy tay và bà T1 có ký tên xác nhận. Tuy nhiên, đến ngày 18/10/2016 bà T1 không thực hiện việc trả tiền gốc và lãi suất như cam kết. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền gốc 32.000.000 đồng và lãi suất

1%/tháng tính từ ngày 18/10/2016 đến 18/4/2018 là 18 tháng thành tiền là 5.440.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Tại biên bản làm việc ngày 27/6/2018 bị đơn bà Đoàn Thị T1 trình bày: Ngày 18/9/2016 bà T1 có mượn của bà T số tiền 20.000.000 đồng, việc mượn tiền hai bên có làm giấy tay và bà T1 có ký tên xác nhận. Sau đó bà T1 tiếp tục mượn thêm số tiền 12.000.000 đồng nhưng ghi vào tờ giấy cùng ngày 18/9/2016. Như vậy, tổng số tiền bà T1 có mượn của bà T là 32.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà T1 chưa trả được tiền cho bà T. Nay với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà T1 đồng ý trả cho bà T số tiền gốc là 32.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 5.440.000 đồng, tổng cộng bà T1 đồng ý trả cho bà T số tiền 37.440.000 đồng.

Bà T1 đã được được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt không tham gia làm việc, hoà giải, xét xử mà không có lý do là chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn đang cư trú tại xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Đoàn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa và cung cấp chứng cứ cho Tòa án nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh và nghĩa vụ của người bị kiện nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà T1 thanh toán số tiền gốc 32.000.000 đồng và tiền lãi là 5.440.000 đồng, chứng cứ mà nguyên đơn khởi kiện là giấy mượn tiền ngày 18/9/2016. Theo nội dung trong

giấy mượn tiền nêu trên thì bà T1 có mượn của bà Trinh tổng số tiền là 32.000.000 đồng, thời gian trả là vào ngày 18/10/2016 nhưng cho đến nay thì bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết. Tại biên bản làm việc ngày 27/6/2018 thì bà T1 cũng thừa nhận còn thiếu bà T số tiền 32.000.000 đồng, nay bà T1 cũng đồng ý trả cho bà T số tiền gốc là 32.000.000 đồng và 5.440.000 đồng tiền lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Ngọc T đối với bị đơn bà Đoàn Thị T1 theo quy định tại Điều 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc T đối với bà Đoàn Thị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”.

Buộc bà Đoàn Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Ngọc T số tiền 37.440.000 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó:

- Tiền gốc là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng);

- Tiền lãi là 5.440.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Đoàn Thị T1 phải nộp số tiền 1.872.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Phạm Ngọc T số tiền 888.000 đồng (tám trăm tám mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011064 ngày 08/11/2017 và số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số

AA/2016/0011781 ngày 08/5/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuấn